



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ  
XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 46
8. Phụ lục	47

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.  
Điện thoại : (84-780) 3.831.608  
Fax : (84-780) 3.832.297  
E\_mail : camimex@hcm.vnn.vn  
Website : www.camimexseafood.com.vn  
Mã số thuế : 2000103908

### *Các đơn vị trực thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm mua nguyên liệu thủy sản sinh thái	ấp Chà Là, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
2. Trạm mua nguyên liệu thủy sản	Lâm phần Lâm Ngư Trường Ngọc Hiển, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
3. Chi nhánh Xí nghiệp IV	Đường Cao Thắng, phường 7, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau
4. Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 33/3 khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

### *Các địa điểm kinh doanh:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp Cái Nai, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
2. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	Số 29B, ấp 3, Quốc lộ 1A, xã Tắc Vân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
3. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp 1, xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

### *Công ty con:*

- Tên công ty : Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang  
Địa chỉ: Khu đê bao Đồng Hòa, ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang  
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
- Tên công ty : Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX  
Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau  
Vốn điều lệ: 354.500.000.000 VND  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,72%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,72%





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex  
Địa chỉ: Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau  
Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

## **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	24 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	26 tháng 6 năm 2013
Ông Ngô Quang Phú	Thành viên	03 tháng 01 năm 2014
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014

### **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Duân	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014

### **Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013
Ông Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng	21 tháng 11 năm 2011

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2013).

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

00449  
CÔNG  
TRINH NIỆM  
TOÁN V  
A &  
INH-T.P



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Bùi Sĩ Tuấn**  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2015







**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Đa Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0765/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU  
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 07 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy có vấn đề sau:

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH thủy sản Camimex (công ty con) tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền là 344.784.521.653 VND, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất Công ty đem góp vốn vào công ty con trong năm 2013 với số tiền là 97.932.597.000 VND theo chứng thư thẩm định giá của tổ chức định giá độc lập. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất này Công ty đang thuê của Nhà nước trả tiền thuê hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuê nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý để góp vốn. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn đang làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao để có cơ sở góp vốn vào công ty con.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1

**Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>429.523.737.855</b>	<b>403.317.557.103</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.930.358.388</b>	<b>3.350.658.836</b>
1. Tiền	111		4.930.358.388	3.350.658.836
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>107.255.601.448</b>	<b>52.750.448.639</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	99.709.765.315	46.449.013.407
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.787.464.468	9.046.014.684
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.040.047.870	10.556.238.379
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.281.676.205)	(13.300.817.831)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>306.182.786.816</b>	<b>336.827.479.411</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	478.116.199.160	501.560.891.755
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(171.933.412.344)	(164.733.412.344)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.154.991.203</b>	<b>10.388.970.217</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	304.762.711	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.112.310.061	3.834.176.917
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	7.737.918.431	6.554.793.300
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>373.110.142.066</b>	<b>363.614.158.772</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>132.371.200</b>	<b>132.371.200</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	132.371.200	132.371.200
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.513.524.501</b>	<b>3.770.545.056</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.513.524.501	3.770.545.056
- Nguyên giá	228		8.704.573.762	8.704.573.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.191.049.261)	(4.934.028.706)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.726.724.712</b>	<b>14.431.219.038</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	16.726.724.712	14.431.219.038
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>352.737.521.653</b>	<b>344.784.521.653</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	352.737.521.653	344.784.521.653
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>495.501.825</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	-	485.389.485
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	10.112.340
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>802.633.879.921</b>	<b>766.931.715.875</b>

004  
**ÔN**  
**NIỆ**  
**TOÁN**  
**4 8**  
**7-T.P**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>649.845.429.451</b>	<b>620.642.374.233</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>649.623.143.561</b>	<b>619.100.877.959</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	237.659.389.004	159.947.089.138
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	16.445.384.372	8.977.699.751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	34.156.073.746	32.463.177.870
4. Phải trả người lao động	314	V.14	656.488.061	577.524.109
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.920.732.334	3.202.392.322
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	23.918.263.495	32.377.841.340
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	333.851.760.633	380.540.101.513
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>222.285.890</b>	<b>1.541.496.274</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	200.000.000	200.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	-	1.313.746.193
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	22.285.890	27.750.081
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

08/1  
G T  
H H  
V A T  
C  
H O



**CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>152.788.450.470</b>	<b>146.289.341.642</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>152.788.450.470</b>	<b>146.289.341.642</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	18.580.886.634	12.081.777.806
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.081.777.806	12.081.777.806
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.499.108.828	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>802.633.879.921</b>	<b>766.931.715.875</b>



  
**Lữ Hồng Lam**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Trọng Hà**  
 Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 07 tháng 8 năm 2015  
  
  
**Nguyễn An Ninh**  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	374.247.698.579	400.648.614.813
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	310.699.359	346.946.412
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		373.936.999.220	400.301.668.401
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	343.088.940.357	356.156.802.346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.848.058.863	44.144.866.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	914.093.280	1.170.720.631
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	11.508.967.212	16.854.200.473
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.076.406.074	13.103.591.473
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.335.750.308	12.771.379.001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5.292.275.849	8.528.941.187
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.625.158.774	7.161.066.025
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.035.866.228	801.065.778
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.075.187.817	2.036.019.470
13. Lợi nhuận khác	40		5.960.678.411	(1.234.953.692)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.585.837.185	5.926.112.333
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.082.080.208	1.417.733.173
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	4.648.149	191.690.308
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.499.108.828</u>	<u>4.316.688.852</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	426.801.991.630	620.687.717.752
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(475.660.903.445)	(660.677.736.766)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(48.858.911.815)</b>	<b>(39.990.019.014)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.578.817.041</b>	<b>2.418.383.358</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>3.350.658.836</b>	<b>5.880.324.465</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		882.511	154.433.537
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>4.930.358.388</b>	<b>8.453.141.360</b>

Cà Mau, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc

Số 0044  
CÔNG  
TỊCH NHIỆ  
TOÁN  
A &  
H-T.P



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty có xuất bán thành phẩm cho Công ty con là Công ty TNHH thủy sản Camimex với doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 189.771.745.036 VND và 157.424.724.593 VND, làm phát sinh khoảng lãi gộp là 32.347.020.443 VND.

Từ trước ngày 01 tháng 4 năm 2015 Công ty thành lập Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex hoạt động dưới hình thức như một dự án và kinh phí hoạt động lấy từ nguồn Công ty hưởng 5% từ một Hợp đồng thỏa thuận về xuất khẩu. Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tách hoạt động riêng độc lập cho Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex.

Trong kỳ, căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân, Công ty đã ghi tăng giá trị tài sản và thu nhập khác với số tiền là 7.953.000.000 VND, trong đó, giá trị tài sản cố định hữu hình là 7.565.398.557 VND và giá trị công cụ, dụng cụ là 387.601.443 VND. Các tài sản này sau đó được Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex. Đây là những tài sản được hình thành bởi nguồn quỹ 5% được Công ty cấp cho dự án tôm giống sinh thái trước đây.

#### 6. Cấu trúc Công ty

##### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang	Khu đô thị bao Đồng Hòa, ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Đã ngưng hoạt động chờ giải thể.	-	100%	100%
Công ty TNHH thủy sản CAMIMEX	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu. Sản xuất kinh doanh tôm giống.	99,72%	99,72%	99,72%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống.	100%	100%	100%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:** Không có.

Các đơn vị trực thuộc đều hạch toán báo số.

9878  
CÔNG TY  
THỦY SẢN  
CÀ MAU  
C  
HỒ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 119 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 72 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 4. Các khoản đầu tư tài chính

### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01 năm.

## 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 11. Vốn chủ sở hữu

### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19816  
G TY  
M HUI  
VA TU  
C  
HOC



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 20. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, và các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.428.227.941	95.341.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.502.130.447	3.255.317.656
<b>Cộng</b>	<b>4.930.358.388</b>	<b>3.350.658.836</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>352.737.521.653</b>	<b>-</b>	<b>352.737.521.653</b>	<b>344.784.521.653</b>	<b>-</b>	<b>344.784.521.653</b>
Công ty TNHH thủy sản Camimex <sup>(i)</sup>	344.784.521.653	-	344.784.521.653	344.784.521.653	-	344.784.521.653
Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái Camimex <sup>(ii)</sup>	7.953.000.000	-	7.953.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>352.737.521.653</b>	<b>-</b>	<b>352.737.521.653</b>	<b>344.784.521.653</b>	<b>-</b>	<b>344.784.521.653</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thì Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thủy sản Camimex 353.500.000.000 VND, tương đương 99,72% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 344.784.521.653 VND, tương đương 97,26% vốn điều lệ. Số vốn còn phải đầu tư vào Công ty TNHH thủy sản Camimex là 8.715.478.347 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thì Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái - Camimex 10.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.953.000.000 VND, tương đương 79,53% vốn điều lệ. Số vốn còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái - Camimex là 2.047.000.000 VND.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con

Tập đoàn đã chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang để chuyển sang hoạt động dưới hình thức Chi nhánh của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau. Tuy nhiên, theo Thông báo số 06/ĐKGT ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh-Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang thì Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang đã nộp hồ sơ xin giải thể nhưng đến thời điểm này vẫn đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý để chấm dứt hoạt động của Công ty con này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Từ trước ngày 01 tháng 4 năm 2015 Công ty thành lập Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex hoạt động dưới hình thức như một dự án và kinh phí hoạt động lấy từ nguồn Công ty hưởng 5% từ một Hợp đồng thỏa thuận về xuất khẩu. Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tách hoạt động riêng độc lập cho Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH thủy sản Camimex</b>		
Doanh thu bán hàng	189.771.745.036	91.563.789.541
Giá vốn hàng bán	157.424.724.593	73.564.008.530
Thu tiền bán hàng	164.722.427.472	81.362.364.809
Mua hàng	226.442.924.258	107.870.943.399
Trả tiền mua hàng	142.102.003.462	87.415.810.015
Mượn tiền	53.522.680.000	15.338.000.000
Trả tiền mượn	14.332.871.613	765.000.000
Giao gia công hàng thủy sản	64.254.453.879	55.792.811.768
Thanh toán tiền gia công	56.691.220.973	-
<b>Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái Camimex</b>		
Mua tôm giống	36.000.000	-
Góp vốn bằng tài sản cố định hữu hình	7.565.398.557	-
Góp vốn bằng công cụ, dụng cụ	387.601.443	-
Chi hỗ trợ chi phí từ nguồn quỹ 5% tôm sinh thái	522.721.215	-

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>41.243.578.771</b>	<b>10.777.278.318</b>
Công ty TNHH thủy sản Camimex	41.243.578.771	10.777.278.318
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>58.466.186.544</b>	<b>35.671.735.089</b>
MAZZETTA	10.753.963.645	10.551.030.722
Công ty TNHH thủy sản Nam Cà Mau	11.927.771.490	-
Các khách hàng khác	35.784.451.409	25.120.704.367
<b>Cộng</b>	<b>99.709.765.315</b>	<b>46.449.013.407</b>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	14.787.464.468	9.046.014.684
CMC SEAFOOD CORPORATION	1.609.350.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật công nghệ Đức Duy	2.298.000.000	2.298.000.000
SURYYAMITRA EXIM (P), LTD	4.273.152.710	-
Các nhà cung cấp khác	6.606.961.758	6.748.014.684
<b>Cộng</b>	<b>14.787.464.468</b>	<b>9.046.014.684</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.193.575.679	-	2.199.575.679	-
Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang – Phải thu khác do chi hộ	2.193.575.679	-	2.199.575.679	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.846.472.191	509.342.531	8.356.662.700	454.504.800
Phải thu khác	2.302.725.122	509.342.531	5.624.400.563	454.504.800
Tạm ứng nhân viên	2.344.906.233	-	2.732.262.137	-
Dự án nuôi tôm Kiên Giang	198.840.836	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.040.047.870</b>	<b>509.342.531</b>	<b>10.556.238.379</b>	<b>454.504.800</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu tổ chức khác</i>	132.371.200	-	132.371.200	-
Ký cược, ký quỹ	132.371.200	-	132.371.200	-
<b>Cộng</b>	<b>132.371.200</b>	<b>-</b>	<b>132.371.200</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		14.320.597.640	38.921.435		- 14.048.712.493	747.894.662
MAZZETTA – Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	10.753.963.645	-	Trên 3 năm	10.551.030.722	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		3.566.633.995	38.921.435		3.497.681.771	747.894.662
Phải thu tiền bán hàng	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	10.884.054	7.618.837	Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	10.884.054	7.618.837

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khác	-	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	998.477.423	299.543.227
	Trên 3 năm	1.032.962.672	-	Trên 3 năm	20.370.756	-
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.191.992	2.157.598	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.191.992	2.157.598
	Trên 3 năm	504.308.137	-	Trên 3 năm	449.470.406	-
Trà trước người bán				Từ 1 năm đến dưới 2 năm	97.150.000	48.575.000
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	97.150.000	29.145.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.300.000.000	390.000.000
	Trên 3 năm	1.914.137.140	-	Trên 3 năm	614.137.140	-
<b>Cộng</b>	<b>14.320.597.640</b>	<b>38.921.435</b>		<b>14.048.712.493</b>	<b>747.894.662</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<b>Nợ phải thu ngắn hạn</b>
Số đầu năm	(13.300.817.831)
Trích lập dự phòng bổ sung	(980.858.374)
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(14.281.676.205)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	412.409.738	-	331.699.053	-
Công cụ, dụng cụ	7.941.818	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	477.682.991.348	(171.933.412.344)	501.216.336.446	(164.733.412.344)
Hàng hóa	12.856.256	-	12.856.256	-
<b>Cộng</b>	<b>478.116.199.160</b>	<b>(171.933.412.344)</b>	<b>501.560.891.755</b>	<b>(164.733.412.344)</b>

Tất cả thành phẩm tồn kho cuối kỳ đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số đầu năm	(164.733.412.344)	(153.958.721.075)
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.200.000.000)	(687.161.774)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(171.933.412.344)</b>	<b>154.645.882.849</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Chi phí trả trước

#### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà	40.000.000	-
Chi phí sửa chữa kho	63.853.896	-
Chi phí đào ao nuôi tôm	178.840.846	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.067.971	-
Phí quản lý niêm yết năm 2015	9.999.998	-
<b>Cộng</b>	<b><u>304.762.711</u></b>	<b><u>-</u></b>

#### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa kho	-	127.707.803
Chi phí đào ao nuôi tôm	-	357.681.682
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>485.389.485</u></b>

### 9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	8.704.573.762	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>8.704.573.762</u></b>	
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	4.934.028.706	
Khấu hao trong kỳ	257.020.555	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.191.049.261</u></b>	
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	3.770.545.056	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.513.524.501</u></b>	
<i>Trong đó:</i>		
Tạm thời không sử dụng	-	
Đang chờ thanh lý	-	

Tất cả tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.513.524.501 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.332.830.081	5.818.182	-	1.338.648.263
- Dự án nuôi tôm Kiên Giang <sup>(i)</sup>	1.284.004.913	-	-	1.284.004.913
- Chi phí khác	48.825.168	5.818.182	-	54.643.350
Xây dựng cơ bản dở dang	13.098.388.957	2.289.687.492	-	15.388.076.449
Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn – Xí nghiệp 5	8.371.614.714	-	-	8.371.614.714
Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang <sup>(i)</sup>	4.129.922.243	-	-	4.129.922.243
Khu nhà ở nuôi tôm <sup>(i)</sup>	596.852.000	-	-	596.852.000
Kho Quận 7	-	2.289.687.492	-	2.289.687.492
<b>Cộng</b>	<b>14.431.219.038</b>	<b>2.295.505.674</b>	<b>-</b>	<b>16.726.724.712</b>

(i) Tính đến năm 2014 khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án nuôi tôm Chi nhánh Camimex Kiên Giang đã hoàn thành, đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định với số tiền là 6.059.604.324 VND, nhưng do hiện còn ảnh hưởng tình hình của Công ty TNHH MTV Camimex Kiên Giang chưa hoàn tất thủ tục giải thể và đang chờ Cơ quan thuế kiểm tra nên các tài sản này chưa được ghi tăng và trích khấu hao phát sinh. Công ty xem xét tăng tài sản sau khi có kết quả thanh tra của Cơ quan thuế.

Công ty đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 8.371.614.714 VND (số đầu năm là 8.371.614.714 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>224.413.958.568</b>	<b>126.084.475.778</b>
Công ty TNHH thủy sản Camimex	223.512.439.565	125.218.956.775
Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái Camimex	36.000.000	-
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang	865.519.003	865.519.003
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>13.245.430.436</b>	<b>33.862.613.360</b>
<b>Cộng</b>	<b>237.659.389.004</b>	<b>159.947.089.138</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>16.445.384.372</b>	<b>8.977.699.751</b>
COOP, BASEL	7.252.877.078	7.252.877.078
PSD CO., LTD	8.713.024.320	-
Các khách hàng khác	479.482.974	1.724.822.673
<b>Cộng</b>	<b>16.445.384.372</b>	<b>8.977.699.751</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	10.730.292	(10.730.292)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(1.863.959.373)	-	(3.265.205.339)	-	(5.129.164.712)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(4.690.833.927)	2.082.080.208	-	-	(2.608.753.719)
Thuế thu nhập cá nhân	654.371.042	-	415.978.392	-	1.070.349.434	-
Thuế tài nguyên	-	-	242.161.156	-	242.161.156	-
Tiền thuê đất (*)	31.771.404.956	-	360.088.990	(131.988.996)	31.999.504.950	-
Các loại thuế khác	-	-	217.630.286	(5.000.000)	212.630.286	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	37.401.872	-	594.026.048	-	631.427.920	-
<b>Cộng</b>	<b>32.463.177.870</b>	<b>(6.554.793.300)</b>	<b>3.339.821.164</b>	<b>(3.412.924.627)</b>	<b>34.156.073.746</b>	<b>(7.737.918.431)</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước	5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước	10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% do được hưởng ưu đãi địa bàn kinh tế xã hội khó khăn theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính.





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.585.837.185	5.926.112.333
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.830.453.614	1.666.519.108
- Các khoản điều chỉnh giảm	(273.420.599)	(503.965.575)
Thu nhập chịu thuế	13.142.870.200	7.088.665.866
Thu nhập tính thuế	13.142.870.200	7.088.665.866
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (thuế suất ưu đãi 20%)	-	7.088.665.866
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (thuế suất ưu đãi 10%)	13.142.870.200	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.314.287.020</b>	<b>1.417.733.173</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>767.793.188</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.082.080.208</b>	<b>1.417.733.173</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước để sản xuất nước đá và sử dụng cho sản xuất chế biến trong nhà máy từ năm 2009 đến năm 2013 theo Quyết định số 335/QĐ-CT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

### **Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

- (\*) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố tiền sử dụng đất phải nộp theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1539/TB-CT và 1540/TB-CT ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Cà Mau khi Công ty làm thủ tục để chuyển từ hình thức thuê đất sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất (xem thuyết minh VIII.3c).

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**14. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	656.488.061	577.524.109
<b>Cộng</b>	<b>656.488.061</b>	<b>577.524.109</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>63.134.855</i>	<i>71.577.602</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau – Chi phí lãi vay phải trả	63.134.855	71.577.602
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>	<i>1.857.597.479</i>	<i>3.130.814.720</i>
Chi phí lãi vay phải trả	1.857.597.479	3.080.253.020
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	50.561.700
<b>Cộng</b>	<b>1.920.732.334</b>	<b>3.202.392.322</b>

**16. Phải trả khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>743.661.998</i>	<i>78.761.998</i>
Bùi Đức Cường – Phải trả khác	550.000.000	-
Nguyễn An Ninh – Phải trả khác	78.761.998	78.761.998
Thù lao Hội đồng quản trị	114.900.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>23.174.601.497</i>	<i>32.299.079.342</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.384.825.218	10.384.825.218
Kinh phí công đoàn	2.145.574.637	2.125.503.797
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	6.915.720.918	6.448.674.230
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.728.480.724	13.340.076.097
<b>Cộng</b>	<b>23.918.263.495</b>	<b>32.377.841.340</b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả tổ chức khác</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn****17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>107.979.583.983</b>	<b>107.979.583.983</b>	<b>70.677.325.796</b>	<b>70.677.325.796</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau <sup>(i)</sup>	32.469.528.000	32.469.528.000	34.357.078.200	34.357.078.200
Công ty TNHH thủy sản Camimex - Tiền mượn không lãi suất	75.510.055.983	75.510.055.983	36.320.247.596	75.510.055.983
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>225.872.176.650</b>	<b>225.872.176.650</b>	<b>309.862.775.717</b>	<b>309.862.775.717</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	209.207.675.930	209.207.675.930	291.327.837.514	291.327.837.514
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(ii)</sup>	205.756.955.930	205.756.955.930	216.458.559.989	216.458.559.989
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	-	-	1.643.276.100	1.643.276.100
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(iii)</sup>	3.450.720.000	3.450.720.000	4.337.907.000	4.337.907.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	-	-	49.338.339.404	49.338.339.404
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Bạc Liêu	-	-	19.549.755.021	19.549.755.021
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.143.987.914	1.143.987.914	1.743.987.914	1.743.987.914
Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn <sup>(iv)</sup>	1.143.987.914	1.143.987.914	1.743.987.914	1.743.987.914
Vay dài hạn đến hạn trả	15.520.512.806	15.520.512.806	16.790.950.289	16.790.950.289
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau <sup>(v)</sup>	2.553.746.193	2.553.746.193	4.103.824.110	4.103.824.110
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải <sup>(vi)</sup>	12.966.766.613	12.966.766.613	12.687.126.179	12.687.126.179
<b>Cộng</b>	<b>333.851.760.633</b>	<b>333.851.760.633</b>	<b>380.540.101.513</b>	<b>380.540.101.513</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 47.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng và các khoản phải thu khách hàng nước ngoài thông qua các quyền đòi nợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất của bên thứ 3.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 45.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp (tổng giá trị tài sản đảm bảo: 97.000.000.000 VND, bao gồm hàng hóa tồn kho luân chuyển là tôm thành phẩm và toàn bộ nguyên liệu trong kho).
- (iv) Khoản vay Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải bằng nguồn vốn ODA để đầu tư mới phân xưởng sản xuất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	325.684.915.714	373.279.311.630	-	757.674.100	(458.044.697.514)	241.677.203.930
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	38.064.235.510	53.522.680.000	-	-	(14.932.871.613)	76.654.043.897
Vay dài hạn đến hạn trả	16.790.950.289	-	1.313.746.193	99.150.642	(2.683.334.318)	15.520.512.806
<b>Cộng</b>	<b>380.540.101.513</b>	<b>426.801.991.630</b>	<b>1.313.746.193</b>	<b>856.824.742</b>	<b>(475.660.903.445)</b>	<b>333.851.760.633</b>

**17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	-	-	1.313.746.193	1.313.746.193
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	1.313.746.193	1.313.746.193
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau</i>	-	-	1.313.746.193	1.313.746.193
<b>Cộng</b>	-	-	<b>1.313.746.193</b>	<b>1.313.746.193</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.313.746.193	7.697.058.833
Số tiền vay phát sinh	-	-
Số tiền vay đã trả	-	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.313.746.193)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>7.697.058.833</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các đơn vị khác</i>						
Vay						
Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải <sup>(i)</sup>	12.966.766.613	1.149.121.490	14.115.888.103	12.687.126.179	953.539.485	13.640.665.664
Vay Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn <sup>(ii)</sup>	600.000.000	23.671.233	623.671.233	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.566.766.613</b>	<b>1.172.792.723</b>	<b>14.739.559.336</b>	<b>12.687.126.179</b>	<b>953.539.485</b>	<b>13.640.665.664</b>

(i) Khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

(ii) Khoản vay này chưa được thanh toán do đang thương lượng gia hạn.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do		Số cuối kỳ
		trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.225.065	-	-	513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	-	107.025.472
<b>Cộng</b>	<b>1.015.051.916</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.015.051.916</b>

**19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ của khoản mục tiền và nợ phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	27.750.081	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(5.464.191)	100.793.115
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22.285.890</b>	<b>100.793.115</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% (kỳ trước thuế suất là 20%).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

#### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>8.338.622</b>	<b>83.386.220.000</b>	<b>63,07</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín	1.068.197	10.681.970.000	8,08
Công ty cổ phần vốn Thiên Niên Kỳ	2.542.248	25.422.480.000	19,23
Nguyễn An Ninh	1.555.061	15.550.610.000	11,76
Vũ Ngọc Lễ	1.850.916	18.509.160.000	14,00
Lê Thị Minh Hiền	1.322.200	13.222.000.000	10,00
<b>Các cổ đông khác</b>	<b>4.882.612</b>	<b>48.826.120.000</b>	<b>36,93</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.221.234</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>100,00</b>

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

#### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 21a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	113.093,90	111.270,14
Euro (EUR)	19,66	19,66



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	374.247.698.579	400.648.614.813
<b>Cộng</b>	<b>374.247.698.579</b>	<b>400.648.614.813</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	293.387.859	316.236.212
Hàng bán bị trả lại	17.311.500	30.710.200
<b>Cộng</b>	<b>310.699.359</b>	<b>346.946.412</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	335.888.940.357	355.469.640.572
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.200.000.000	687.161.774
<b>Cộng</b>	<b>343.088.940.357</b>	<b>356.156.802.346</b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.309.228	6.684.017
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	907.784.052	1.164.036.614
<b>Cộng</b>	<b>914.093.280</b>	<b>1.170.720.631</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.076.406.074	13.103.591.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.779.068.577	598.051.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	653.492.561	3.152.557.515
<b>Cộng</b>	<b>11.508.967.212</b>	<b>16.854.200.473</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.469.673.549	2.022.265.548
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.740.417	882.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.626.086	234.288.588
Các chi phí khác	10.724.710.256	10.513.942.502
<b>Cộng</b>	<b>12.335.750.308</b>	<b>12.771.379.001</b>

## 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.886.997.679	2.682.063.105
Chi phí vật liệu quản lý	227.273	920.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.886.291	-
Thuế, phí và lệ phí	11.067.000	139.812.997
Dự phòng phải thu khó đòi	980.858.374	1.680.462.085
Các chi phí khác	1.394.239.232	4.025.683.000
<b>Cộng</b>	<b>5.292.275.849</b>	<b>8.528.941.187</b>

## 8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do tăng tài sản bất thường	7.953.000.000	-
Thu nhập từ giảm giá hàng mua	-	795.301.518
Thu nhập khác	82.866.228	5.764.260
<b>Cộng</b>	<b>8.035.866.228</b>	<b>801.065.778</b>

## 9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	122.394.469	-
Chi phí bồi thường vụ kiện Contessa	-	1.568.502.392
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.229.301.144	231.529.700
Tiền thuê cho phần đất đã góp vốn	381.296.040	-
Tiền án phí và thi hành án	285.647.831	-
Chi phí khác	56.548.333	235.987.378
<b>Cộng</b>	<b>2.075.187.817</b>	<b>2.036.019.470</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	100.793.115
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.112.340	90.897.193
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(5.464.191)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.648.149</b>	<b>191.690.308</b>

**11. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	363.621.368.234	269.344.872.936
Chi phí nhân công	4.356.671.228	4.704.328.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.020.555	234.288.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.286.782.318	64.085.941.208
Chi phí khác	13.099.807.862	8.269.284.264
<b>Cộng</b>	<b>445.621.650.197</b>	<b>346.638.715.649</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tăng tài sản ghi nhận thu nhập	7.953.000.000	-
Góp vốn bằng tài sản vào Công ty con	7.953.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.906.000.000</b>	<b>-</b>

**2. Tiền thu từ đi vay**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	426.801.991.630	620.687.717.752
<b>Cộng</b>	<b>426.801.991.630</b>	<b>620.687.717.752</b>

**3. Tiền trả nợ gốc vay**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(475.660.903.445)	(660.677.736.766)
<b>Cộng</b>	<b>(475.660.903.445)</b>	<b>(660.677.736.766)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao	111.500.000	-
Trả tiền vay	-	740.000.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	464.315.090	753.827.053
Phụ cấp, thù lao	70.000.000	211.000.000
<b>Cộng</b>	<b>534.315.090</b>	<b>964.827.053</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Camimex - Kiên Giang	Công ty con
Công ty TNHH thủy sản Camimex	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên sản xuất tôm giống sinh thái - Camimex	Công ty con
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau	Cổ đông sáng lập



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty có phát sinh giao dịch vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau số tiền 34.365.957.500 VND và trả nợ vay ngắn hạn 36.490.709.600 VND, phát sinh khoản lãi vay tương ứng.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

## *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến hàng thủy sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực chế biến thủy sản</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	373.936.999.220	-	373.936.999.220
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>373.936.999.220</b>	<b>-</b>	<b>373.936.999.220</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.220.032.706	-	13.220.032.706
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			13.220.032.706
Doanh thu hoạt động tài chính			914.093.280
Chi phí tài chính			(11.508.967.212)
Thu nhập khác			8.035.866.228
Chi phí khác			(2.075.187.817)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.082.080.208)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(4.648.149)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>6.499.108.828</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lĩnh vực chế biến thủy sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>2.295.505.674</i>	-	<i>2.295.505.674</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>499.715.298</i>	-	<i>499.715.298</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<i>8.180.858.374</i>	-	<i>8.180.858.374</i>
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	400.301.668.401	-	400.301.668.401
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>400.301.668.401</b>	-	<b>400.301.668.401</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.844.545.867	-	22.844.545.867
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			22.844.545.867
Doanh thu hoạt động tài chính			1.170.720.631
Chi phí tài chính			(16.854.200.473)
Thu nhập khác			801.065.778
Chi phí khác			(2.036.019.470)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.417.733.173)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(191.690.308)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>4.316.688.852</b>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>4.260.350.061</i>	-	<i>4.260.350.061</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>234.288.588</i>	-	<i>234.288.588</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<i>2.367.623.859</i>	-	<i>2.367.623.859</i>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực chế biến thủy sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	449.896.358.268	-	449.896.358.268
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			352.737.521.653
<b>Tổng tài sản</b>			<b>802.633.879.921</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực chế biến thủy sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	648.808.091.645	-	648.808.091.645
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.037.337.806
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>649.845.429.451</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	422.137.081.882	-	422.137.081.882
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			344.794.633.993
<b>Tổng tài sản</b>			<b>766.931.715.875</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	619.599.572.236	-	619.599.572.236
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.042.801.997
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>620.642.374.233</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	214.754.235.809	100.742.982.933
Nước ngoài	159.182.763.411	299.558.685.468
<b>Cộng</b>	<b>373.936.999.220</b>	<b>400.301.668.401</b>

### 3. Số liệu so sánh

#### 3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Chi tiết như sau:

	Số liệu trước trình bày lại	Phân loại lại	Số liệu trình bày lại
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	7.823.976.242	2.732.262.137	10.556.238.379
Tài sản ngắn hạn khác	2.732.262.137	(2.732.262.137)	-
Phải thu dài hạn khác	-	132.371.200	132.371.200
Tài sản dài hạn khác	132.371.200	(132.371.200)	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố

Theo thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1539/TB-CT và 1540/TB-CT ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Cà Mau, số tiền sử dụng đất Công ty phải nộp để chuyển từ hình thức thuê đất sang hình thức giao đất cho diện tích 21.662,80 m<sup>2</sup> đất (Đất thuộc khu vực đường vào trụ sở Công ty) trong thời gian 49 năm là 19.637.839.872 VND. Số liệu Công ty tạm tính tiền sử dụng đất phải nộp khi thực hiện thủ tục góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty con (Công ty TNHH thủy sản Camimex) là 1.828.728.750 VND, chênh lệch 17.809.111.122 VND.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14.654.066.748	17.809.111.122	32.463.177.870
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	29.890.888.928	(17.809.111.122)	12.081.777.806

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

##### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Số 004  
CỔN  
ÁCH NHI  
M TOÁN  
A  
SINH-T.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.930.358.388	-	-	-	4.930.358.388
Phải thu khách hàng	87.911.954.944	-	-	11.797.810.371	99.709.765.315
Các khoản phải thu khác	4.117.171.872	-	-	511.500.129	4.628.672.001
<b>Cộng</b>	<b>96.959.485.204</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.309.310.500</b>	<b>109.268.795.704</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.350.658.836	-	-	-	3.350.658.836
Phải thu khách hàng	34.868.250.452	-	-	11.580.762.955	46.449.013.407
Các khoản phải thu khác	2.449.685.044	-	5.050.000.000	456.662.398	7.956.347.442
<b>Cộng</b>	<b>40.668.594.332</b>	<b>-</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>12.037.425.353</b>	<b>57.756.019.685</b>

**4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	337.969.954.417	-	-	337.969.954.417
Phải trả người bán	237.659.389.004	-	-	237.659.389.004
Các khoản phải trả khác	16.777.700.274	200.000.000	-	16.977.700.274
<b>Cộng</b>	<b>592.407.043.695</b>	<b>200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>592.607.043.695</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	384.130.690.981	1.348.733.238	-	385.479.424.219
Phải trả người bán	159.947.089.138	-	-	159.947.089.138
Các khoản phải trả khác	27.206.055.635	-	-	27.206.055.635
<b>Cộng</b>	<b>571.283.835.754</b>	<b>1.348.733.238</b>	<b>-</b>	<b>572.632.568.992</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty cố gắng tạo ra khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

49815-6  
 G TY  
 M HUU H  
 VÀ TƯ V  
 C  
 HỒ CH

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

## 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.093,90	19,66	111.270,14	19,66
Phải thu khách hàng	2.035.484,38	-	1.586.203,90	-
Vay và nợ	(5.197.016,42)	-	(13.071.930,93)	-
Phải trả người bán	(41.458)	-	(940.366,30)	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(3.089.896,14)</b>	<b>19,66</b>	<b>(12.314.823,19)</b>	<b>19,66</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.214.699.971 VND (đầu năm giảm/tăng 4.210.487.307 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(144.838.866.037)	(5.197.016,42)	(66.199.508.067)	(13.071.930,93)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(144.838.866.037)</u>	<u>(5.197.016,42)</u>	<u>(66.199.508.067)</u>	<u>(13.071.930,93)</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 2.896.777.321 VND (đầu năm giảm/tăng 1.059.192.129 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.135.028.386 VND (đầu năm giảm/tăng 2.283.927.772 VND).

#### Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### 4d. Tài sản đảm bảo

##### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 99.709.765.315 VND (số đầu năm là 46.449.013.407 VND).

##### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	4.930.358.388	3.350.658.836	4.930.358.388	3.350.658.836
Phải thu khách hàng	99.709.765.315	46.449.013.407	87.919.573.782	35.175.412.517
Các khoản phải thu khác	4.628.672.001	7.956.347.442	4.119.329.470	7.501.842.642
<b>Cộng</b>	<b>109.268.795.704</b>	<b>57.756.019.685</b>	<b>96.969.261.640</b>	<b>46.027.913.995</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	333.851.760.633	381.853.847.706	333.851.760.633	381.853.847.706
Phải trả người bán	237.659.389.004	159.947.089.138	237.659.389.004	159.947.089.138
Các khoản phải trả khác	16.977.700.274	27.206.055.635	16.977.700.274	27.206.055.635
<b>Cộng</b>	<b>588.488.849.911</b>	<b>569.006.992.479</b>	<b>588.488.849.911</b>	<b>569.006.992.479</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cà Mau, ngày 07 tháng 8 năm 2015



Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	1.995.223.836	9.538.760.309	143.746.324.145
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	4.316.688.852	4.316.688.852
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>1.995.223.836</b>	<b>13.855.449.161</b>	<b>148.063.012.997</b>
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	12.081.777.806	146.289.341.642
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	6.499.108.828	6.499.108.828
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>132.212.340.000</b>	<b>1.995.223.836</b>	<b>18.580.886.634</b>	<b>152.788.450.470</b>

Đơn vị tính: VND

Lữ Hồng Lam  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà  
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 07 tháng 8 năm 2015

Nguyễn An Ninh  
Tổng Giám đốc

